

UBND TỈNH BẮC NINH
CÔNG TY TNHH MTV KTCTTL
BẮC ĐUÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 409/BD-CBTDDN
V/v công bố thông tin doanh nghiệp
theo Nghị định 47/2021/NĐ-CP

Từ Sơn, ngày 27 tháng 3 năm 2025

Kính gửi:

- UBND tỉnh Bắc Ninh;
- Cục Phát triển doanh nghiệp Nhà nước, Bộ Tài chính;
- Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh Bắc Ninh.

Thực hiện Nghị định 47/2021/NĐ-CP ngày 01/04/2021 của Chính phủ về việc công bố thông tin doanh nghiệp Nhà nước;

Công ty TNHH một thành viên Khai thác công trình thủy lợi Bắc Đuông báo cáo nội dung công bố thông tin doanh nghiệp theo quy định gồm những phần sau:

1. Báo cáo mục tiêu tổng quát, mục tiêu, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch kinh doanh năm 2025.
2. Báo cáo và tóm tắt báo cáo tài chính năm 2024 đã được kiểm toán./. *PH*

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu VT, TCHC.

CHỦ TỊCH



[Signature]
Nguyễn Văn Ty

Biểu số 2: BÁO CÁO MỤC TIÊU TỔNG QUÁT, KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2025

(Kèm theo Nghị định số 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính Phủ)

CÔNG TY TNHH MTV KTCTTL

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

BẮC ĐUÔNG

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

MST: 2300109040

Từ Sơn, ngày 27 tháng 3 năm 2025

I. MỤC TIÊU TỔNG QUÁT VÀ NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH

Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi Bắc Đuống (gọi tắt là Công ty) là doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích. Công ty có nhiệm vụ quản lý và vận hành một hệ thống thủy lợi liên tỉnh với 408 trạm bơm lớn nhỏ, sông Ngũ Huyện Khê với chiều dài 33km (đoạn qua tỉnh Bắc Ninh dài khoảng 24km), 270 tuyến kênh với tổng chiều dài là 774km. Hệ thống thủy lợi phục vụ cung cấp nước tưới, tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh kinh tế cho khoảng trên 50.000ha diện tích trong lưu vực của 05 huyện, thị xã, thành phố tỉnh Bắc Ninh (huyện Tiên Du, Yên Phong, thị xã Quế Võ, thành phố Từ Sơn, Bắc Ninh) và một phần diện tích của 02 huyện Gia Lâm, Đông Anh – thành phố Hà Nội. Quản lý và thực hiện một số dự án xây dựng cơ bản do UBND tỉnh giao.

II. KẾ HOẠCH KINH DOANH VÀ ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2025

1. Kế hoạch sản xuất kinh doanh

- Kế hoạch chỉ tiêu sản lượng chính:

+ Chỉ tiêu diện tích:

Tổng diện tích tưới tiêu, cấp nước cả năm: 51.954ha. Trong đó:

. Công ty phục vụ trong tỉnh: 49.907ha.

. Công ty phục vụ tỉnh ngoài: 2.047ha.

+ Chỉ tiêu doanh thu:

Doanh thu từ sản phẩm DVCI thủy lợi: 65,60 tỷ đồng. Trong đó:

Công ty phục vụ trong tỉnh: 63,36 tỷ đồng.

Công ty phục vụ tỉnh ngoài: 2,24 tỷ đồng.

- Kế hoạch sản xuất kinh doanh cả năm 2025:

BẢNG CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2025

TT	Các chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2025
1	Các chỉ tiêu sản lượng chính: Tươi, tiêu cung cấp nước	ha	51.954
-	Diện tích tưới tiêu phục vụ được hỗ trợ sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi (trong tỉnh)	ha	49.907
-	Diện tích tưới tiêu phục vụ không được hỗ trợ sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi (tỉnh ngoài)	ha	2.047
2	Doanh thu	Tỷ đồng	65,60
-	Doanh thu từ hỗ trợ sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi (trong tỉnh)	Tỷ đồng	63,36
-	Doanh thu sử dụng sản phẩm dịch vụ công ích thủy lợi (thu tỉnh ngoài)	Tỷ đồng	2,24
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	-
4	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	-
5	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Tỷ đồng	1,06
6	Tổng vốn đầu tư	Tỷ đồng	-
7	Kim ngạch xuất khẩu	Tỷ đồng	-

2. Kế hoạch đầu tư của doanh nghiệp trong năm

Trong năm 2024 Công ty được ghi vốn thực hiện dự án nhóm B: 01 dự án với tổng kinh phí bố trí đến nay là 1 tỷ đồng

Dự án: Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Hữu Chấp

Dự án bao gồm 5 gói thầu

- Gói thầu Khu đầu mối trạm bơm;
- Hệ thống điện cao, hạ thế;
- Cơ khí (máy bơm);
- Kênh và công trình trên kênh.
- Máy vớt rác tự động
- Tổng mức đầu tư : 279.952.157.000 đồng
- Tổng giá trị thực hiện đến nay : 206.348.000.000 đồng
- Hiện tại, dự án đang dừng thi công để điều chỉnh dự án ./.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Ty

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CÔNG TY TNHH MTV KHAI THÁC CÔNG TRÌNH THỦY LỢI BẮC ĐƯƠNG

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Lãnh đạo	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04 - 05
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	06 - 23
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 23

- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Lãnh đạo Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Bắc Ninh, ngày 04 tháng 02 năm 2025

TM. Ban Lãnh đạo

Chủ tịch



Nguyễn Văn Ty



CÔNG TY TNHH HÃNG KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ ASCO

Số 2, ngõ 308 Lê Trọng Tấn, P. Khương Mai, Q. Thanh Xuân, TP. Hà Nội
08 2509 2007 0102374170 asco@asco.vn www.asco.vn



Số: 16/2025/ASCO/BCKT-NV1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Ban lãnh đạo
Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Bắc Đuống

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Bắc Đuống được lập ngày 04 tháng 02 năm 2025, từ trang 6 đến trang 23, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Chúng tôi đã không được bố trí tham gia chứng kiến kiểm kê tài sản cố định, hàng tồn kho và tiền mặt của Công ty tại thời điểm 31/12/2024. Với tài liệu hiện có và thủ tục kiểm toán khác cũng không thể giúp chúng tôi đưa ra ý kiến về tính hiện hữu và đánh giá của các khoản mục trên cũng như ảnh hưởng nếu có đến khoản mục khác được trình bày trên Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty.



Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Bắc Đuống tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2025

Thay mặt và đại diện

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO

Phó Tổng Giám đốc



Phan Đình Dũng

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 4887-2024-149-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Đức Mạnh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số: 6142-2023-149-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		26.726.441.307	26.373.434.349
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	23.907.834.558	19.538.228.455
111 1. Tiền		23.904.834.558	19.531.228.455
112 2. Các khoản tương đương tiền		3.000.000	7.000.000
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		1.345.583.142	5.318.861.856
131 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	325.987.131	327.172.431
132 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	14.072.830	4.343.767.000
136 3. Phải thu ngắn hạn khác	6	1.005.523.181	647.922.425
140 IV. Hàng tồn kho	7	1.447.134.600	1.513.693.326
141 1. Hàng tồn kho		1.447.134.600	1.513.693.326
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		25.889.007	2.650.712
153 1. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	12	25.889.007	2.650.712
200 B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.270.916.869.680	2.173.523.631.250
220 II. Tài sản cố định		1.412.397.632.326	1.347.448.858.726
221 1. Tài sản cố định hữu hình	9	1.412.397.632.326	1.347.448.858.726
222 - Nguyên giá		1.548.939.105.677	1.470.942.559.677
223 - Giá trị hao mòn lũy kế		(136.541.473.351)	(123.493.700.951)
227 2. Tài sản cố định vô hình	10	-	-
228 - Nguyên giá		304.466.000	304.466.000
229 - Giá trị hao mòn lũy kế		(304.466.000)	(304.466.000)
240 IV. Tài sản dở dang dài hạn	8	858.494.694.842	826.027.918.842
242 1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		858.494.694.842	826.027.918.842
260 VI. Tài sản dài hạn khác		24.542.512	46.853.682
261 1. Chi phí trả trước dài hạn		24.542.512	46.853.682
270 TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.297.643.310.987	2.199.897.065.599

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

(tiếp theo)

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024	01/01/2024
		VND	VND
300 C. NỢ PHẢI TRẢ		27.447.229.903	22.971.352.515
310 I. Nợ ngắn hạn		27.447.229.903	22.971.352.515
311 1. Phải trả người bán ngắn hạn	11	15.167.127.658	12.111.175.877
313 2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	1.831.468.512	1.240.831.880
319 3. Phải trả ngắn hạn khác	13	5.230.507.201	5.521.600.456
322 4. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		5.218.126.532	4.097.744.302
400 D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.270.196.081.084	2.176.925.713.084
410 I. Vốn chủ sở hữu	14	2.269.986.762.584	2.176.716.394.584
411 1. Vốn góp của chủ sở hữu		1.430.273.507.347	1.358.319.743.347
422 2. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		839.713.255.237	818.396.651.237
430 II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác		209.318.500	209.318.500
432 1. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		209.318.500	209.318.500
440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.297.643.310.987	2.199.897.065.599

Bắc Ninh, ngày 04 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch

Ngô Thị Ngọc Yến

Trần Trọng Thiêm

Nguyễn Văn Ty



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024	Năm 2023
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	15	193.751.174.460	148.855.450.716
02	1. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		193.751.174.460	148.855.450.716
11	3. Giá vốn hàng bán	16	181.916.648.009	139.049.527.196
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		11.834.526.451	9.805.923.520
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	17	71.026.711	122.861.485
22	6. Chi phí tài chính		-	-
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	7. Chi phí bán hàng		-	-
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	18	12.699.097.212	9.945.666.613
30	9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		(793.544.050)	(16.881.608)
31	10. Thu nhập khác	19	866.308.050	52.761.608
32	11. Chi phí khác	20	72.764.000	35.880.000
40	12. Lợi nhuận khác		793.544.050	16.881.608
50	13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		-	-
51	14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		-	-
52	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		-	-

Bắc Ninh, ngày 04 tháng 02 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch

Ngô Thị Ngọc Yến

Trần Trọng Thiêm

Nguyễn Văn Ty



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
2. Điều chỉnh cho các khoản			
02 - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		14.500.000.000	6.000.000.000
05 - Lãi/lỗ từ hoạt động đầu tư		(855.663.075)	(122.861.485)
08 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		13.644.336.925	5.877.138.515
09 - Tăng/giảm các khoản phải thu		3.935.967.589	1.625.901.897
10 - Tăng/giảm hàng tồn kho		66.558.726	(876.482.325)
11 - Tăng/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		3.355.495.158	1.291.022.361
12 - Tăng/giảm chi phí trả trước		22.311.170	-
16 - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		15.722.000.000	10.316.000.000
17 - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(14.413.218.370)	(9.932.607.039)
20 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		22.333.451.198	8.350.973.409
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(18.819.508.170)	(716.261.753)
22 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		784.636.364	-
27 3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		71.026.711	122.861.485
30 Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(17.963.845.095)	(593.400.268)
50 Lưu chuyển tiền thuần trong năm		4.369.606.103	7.757.573.141
60 Tiền và tương đương tiền đầu năm		19.538.228.455	11.780.655.314
70 Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	23.907.834.558	19.538.228.455

Người lập biểu

Ngô Thị Ngọc Yến

Kế toán trưởng

Trần Trọng Thiêm

Bắc Ninh, ngày 04 tháng 02 năm 2025

Chủ tịch



Nguyễn Văn Ty

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2024

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Bắc Đuống là Công ty TNHH MTV do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300109040 do Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 12 tháng 07 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ sáu ngày 17 tháng 11 năm 2021.

Trụ sở chính của Công ty tại số 582 đường Trần Phú, phường Đình Bảng, thành phố Từ Sơn, tỉnh Bắc Ninh.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, tổng số cán bộ nhân viên của Công ty là 586 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: 573 người).

Lĩnh vực kinh doanh

Dịch vụ khai thác các công trình thủy lợi, tưới tiêu nước nông nghiệp.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Quản lý vận hành công trình thủy lợi, phục vụ tưới tiêu cho nông nghiệp, dân sinh, công nghiệp và đô thị;
- Cấp nước thô cho nuôi trồng thủy sản, các nhà máy sản xuất nước sạch cho sinh hoạt và công nghiệp;
- Thi công xây dựng công trình thủy lợi, đê điều, kênh mương, giám sát công trình thủy lợi đến cấp I.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty có các đơn vị trực thuộc	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Bắc Đuống - Xí nghiệp Dịch vụ Tư vấn và Xây dựng	Bắc Ninh	Tư vấn, thiết kế, sửa chữa công trình thủy lợi
Xí nghiệp Khai thác công trình Thủy lợi Từ Sơn	Bắc Ninh	Khai thác công trình thủy lợi
Xí nghiệp Khai thác công trình Thủy lợi Tiên Du	Bắc Ninh	Khai thác công trình thủy lợi
Xí nghiệp Khai thác công trình Thủy lợi thành phố Bắc Ninh	Bắc Ninh	Khai thác công trình thủy lợi
Xí nghiệp Khai thác công trình Thủy lợi Yên Phong	Bắc Ninh	Khai thác công trình thủy lợi
Xí nghiệp Khai thác công trình Thủy lợi Quê Võ	Bắc Ninh	Khai thác công trình thủy lợi
Xí nghiệp Khai thác công trình Thủy lợi Trịnh Xá - Long Từu	Bắc Ninh	Khai thác công trình thủy lợi

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được trình bày theo cơ sở dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Trong Báo cáo tài chính của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ/hoặc chưa được loại trừ toàn bộ.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.6 . Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.7 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 . Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Ngoại trừ những tài sản của đơn vị khai thác thủy lợi không phải trích khấu hao theo quy định tại Thông tư 147/2016/TT-BTC và các quy định có liên quan, các tài sản còn lại được trích khấu hao theo nguồn khấu hao cơ bản được cấp.

2.9 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chỉ được tính khấu hao khi các tài sản này hoàn thành và đưa vào sử dụng.

2.10 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

2.11 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.12 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

2.13 . Doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.14 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

2.15 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	763.119.046	5.659.786.903
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.141.715.512	13.871.441.552
Các khoản tương đương tiền	3.000.000	7.000.000
	23.907.834.558	19.538.228.455

4 . PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH MTV Thủy lợi Hà Nội	302.463.241	-	303.648.541	-
UBND huyện Gia Lâm	23.523.890	-	23.523.890	-
	325.987.131	-	327.172.431	-

5 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Châu Cầu	-	-	4.339.309.000	-
Các khoản trả trước người bán khác	14.072.830	-	4.458.000	-
	14.072.830	-	4.343.767.000	-

6 . PHẢI THU KHÁC NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Ngân sách cấp	287.011.513	-	386.746.216	-
Kinh phí cho các Xí nghiệp	443.378.117	-	258.973.009	-
Bảo hiểm xã hội	-	-	2.203.200	-
Phải thu khác	275.133.551	-	-	-
	1.005.523.181	-	647.922.425	-

7 . HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	1.437.737.534	-	1.504.296.260	-
Công cụ, dụng cụ	9.397.066	-	9.397.066	-
	1.447.134.600	-	1.513.693.326	-

8 . TÀI SẢN DỄ DANG DÀI HẠN

Xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Cải tạo nâng cấp Sông Ngũ Huyện Khê (i)	211.015.254.500	211.015.254.500
Cải tạo nâng cấp trạm bơm Hữu Chấp thành phố Bắc Ninh (ii)	177.890.685.908	176.890.685.908
Dự án đầu tư xây dựng trạm bơm Yên Hậu (iii)	62.145.691.750	62.145.691.750
Dự án đầu tư xây dựng trạm bơm Xuân Viên (iv)	52.146.600.000	52.146.600.000
Cải tạo nâng cấp trạm bơm Phú Lâm I (v)	49.696.507.000	49.696.507.000
Cải tạo nâng cấp trạm bơm tiêu Phúc Lộc (vi)	39.399.830.500	39.399.830.500
Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Thọ Đức (trong đồng) (vii)	25.962.849.800	25.962.849.800
Lắp đặt máy vớt rác tự động các trạm bơm Tân Chi, Phấn Động, Kim Đôi 2 (viii)	48.394.272.000	44.400.000.000
Các dự án khác	191.843.003.384	164.370.499.384
	858.494.694.842	826.027.918.842

Thông tin chi tiết các Dự án lớn

(i) Tên dự án: Cải tạo nâng cấp Sông Ngũ Huyện Khê

- Địa điểm: Sông Ngũ Huyện Khê - Bắc Ninh;

- Mục đích: Nạo vét, khơi thông dòng chảy thoát lũ, tạo hồ điều hòa điều tiết, tưới tiêu và tạo cảnh quan môi trường; phê duyệt tại Quyết định số 1526/QĐ-UBND ngày 11/12/2015;

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Bắc Đuống;

- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Nhà nước;

- Quy mô dự án: Xây dựng khu nhà quản lý trạm bơm Đặng Xá, 05 cống dọc hai bên bờ sông, đập điều tiết Phú Lâm, cứng hóa bề mặt đê và hoàn thiện các dốc lên đê, kè gia cố mái sông;

- Tổng mức đầu tư: 69.294 tỷ đồng;

- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: Từ năm 2009 đến hết năm 2016;

- Tình trạng của dự án đến 31/12/2024: Đã hoàn thành, chờ Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh phê duyệt quyết toán.

(ii) Tên dự án: Cải tạo nâng cấp trạm bơm Hữu Chấp thành phố Bắc Ninh

- Địa điểm: Thành phố Bắc Ninh;

- Mục đích: Nạo vét, hoàn thiện hệ thống kênh tiêu và công trình trên kênh phê duyệt tại Quyết định số 1463/QĐ-UBND ngày 31/12/2016;

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Bắc Đuống;

- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Nhà nước;
- Quy mô dự án: Xây dựng trạm bơm tiêu Hữu Chấp với quy mô 05 tổ máy bơm chìm đứng, lưu lượng mỗi tổ máy là $Q=18.000 \text{ m}^3/\text{h}$. Các hạng mục xây dựng bao gồm: Nhà trạm, nhà quản lý, bể hút, bể xả, cống qua đê, lắp đặt hoàn chỉnh các tổ máy bơm, đường dây trung áp, trạm biến áp và các công trình phụ trợ sân vườn, đường nội bộ, cống, tường rào, bảo vệ;
- Tổng mức đầu tư: 279.952 tỷ đồng;
- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: Từ năm 2017 đến hết năm 2021; Dự án đã được phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư (với thời gian thực hiện hết năm 2025);
- Tình trạng của dự án đến 31/12/2024: Đang hoàn thiện thủ tục trình điều chỉnh dự án.

(iii) Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng trạm bơm Yên Hậu

- Địa điểm: Huyện Yên Phong, thành phố Bắc Ninh;
- Mục đích: Xây dựng trạm bơm theo Quyết định số 1466/QĐ-UBND ngày 28/10/2010;
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Bắc Đổng;
- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Nhà nước;
- Quy mô dự án: Tháo dỡ trạm biến áp hiện có để giải phóng mặt bằng thi công nhà trạm, xây dựng trạm biến áp mới đặt trong khu quản lý, trạm biến áp xây dựng mới gồm 1 máy biến áp công suất 1000kVA-10(22)/0,4kV, và 1 máy biến áp có công suất 320kVA-22/0,4kV, nguồn điện cao thế cấp cho trạm bơm được sử dụng đường dây 22kV hiện có, kéo bổ sung đường dây 22kV từ cột cuối đến trạm biến áp mới có chiều dài 40m phê duyệt tại Quyết định số 335/QĐ-UBND ngày 24/3/2016;
- Tổng mức đầu tư: 92.902 tỷ đồng;
- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: Hoàn thành trước 31/12/2017;
- Tình trạng của dự án đến 31/12/2024: Đã hoàn thành, chờ Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh phê duyệt quyết toán.

(iv) Tên dự án: Dự án đầu tư xây dựng trạm bơm Xuân Viên

- Địa điểm: Thành phố Bắc Ninh;
- Mục đích: Để phục vụ tiêu, thoát nước cho lưu vực trong quá trình thi công trạm bơm Xuân Viên phê duyệt tại Quyết định số 1038/QĐ-UBND ngày 28/7/2017;
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Bắc Đổng;
- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Nhà nước;
- Quy mô dự án: Bổ sung lắp đặt trạm bơm, xây dựng cống mới, bổ sung xây dựng cửa lấy nước từ bể xả trạm bơm Xuân Viên nối tiếp vào cống tưới hiện có, mở rộng bờ kênh kết hợp đường giao thông đoạn từ điều tiết cống tưới đầu kênh N4 đến điểm giao cắt với đường mặt đê Hữu Cầu, nạo vét, khơi thông đoạn từ cuối kênh tiêu Xuân Viên Đông và kênh tiêu Hữu Chấp;
- Tổng mức đầu tư: 67.232 tỷ đồng;
- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: Hoàn thành năm 2018;
- Tình trạng của dự án đến 31/12/2024: Đã hoàn thành, chờ Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh phê duyệt quyết toán.

(v) Tên dự án: Dự án Cải tạo nâng cấp trạm bơm Phú Lâm 1

- Địa điểm: Xã Phú Lâm, huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh;
- Mục đích: Cải tạo nâng cấp trạm bơm Phú Lâm 1 theo Quyết định số 1462/QĐ-UBND ngày 31/10/2016;
- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Bắc Đổng;
- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Nhà nước;
- Quy mô dự án: Điều chỉnh thiết kế xây dựng một số hạng mục công trình: nhà máy, bể hút, bể xả, kênh xả, cống xả tiêu qua đê, cống xả tưới, cống cuối kênh T1, cống cuối kênh T2, cầu máng dẫn nước tưới phê duyệt tại Quyết định số 1462/QĐ-UBND ngày 31/10/2016;
- Tổng mức đầu tư: 64.051 tỷ đồng;
- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: Từ năm 2017 đến hết năm 2020;

- Tình trạng của dự án đến 31/12/2024: Đã hoàn thành, chờ Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh phê duyệt quyết toán.

(vi) Xây dựng trạm bơm tiêu Phúc Lộc

- Địa điểm: Huyện Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh;

- Mục đích: Giải quyết cơ bản tình trạng hạn hán, úng ngập tạo tiền đề vững chắc để phát triển nông nghiệp;

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Bắc Đuống;

- Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Nhà nước;

- Quy mô dự án: Đảm bảo tiêu thoát nước kịp cho 559,84 ha đất nông nghiệp, dân cư, công nghiệp và của các xã Châu Phong, Đức Long, huyện Quế Võ. Giải quyết cơ bản tình trạng ngập úng, tạo tiền đề vững chắc để phát triển kinh tế xã hội, cải thiện, nâng cao đời sống của người dân trong khu vực dự án phê duyệt tại Quyết định số 1354/QĐ-UBND ngày 27/10/2016;

- Tổng mức đầu tư: 48.142 tỷ đồng;

- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: Trong giai đoạn 2016-2018;

- Tình trạng của dự án đến 31/12/2024: Đã hoàn thành, chờ Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh phê duyệt quyết toán.

(vii) Dự án: Cải tạo, nâng cấp trạm bơm Thọ Đức (trong đồng)

- Địa điểm: Huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh;

- Mục đích: Giải quyết cơ bản tình trạng hạn hán, úng ngập tạo tiền đề vững chắc để phát triển nông nghiệp địa phương trong vùng dự án, góp phần chuyển đổi nền sản xuất nông nghiệp bền vững theo định hướng phát triển kinh tế của tỉnh. Thực hiện đa dạng hóa sản phẩm, tăng sản xuất, sản lượng cây trồng, từng bước công nghiệp hóa và hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn;

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Bắc Đuống;

- Nguồn vốn đầu tư: Vốn đầu tư công ngân sách tỉnh giai đoạn 2016-2020 và các nguồn vốn khác (nếu có);

- Quy mô dự án: Xây dựng khu đầu mối trạm bơm Thọ Đức (trong đồng) gồm những hạng mục: nhà trạm, bể hút, bể xả, cống xả qua đê, dốc nước, bể tiêu năng và kênh dẫn xả; Xây dựng hệ thống đường điện; Lắp đặt 05 tổ máy bơm tiêu có lưu lượng mỗi tổ máy $Q=3500\text{m}^3/\text{h}$ và 01 máy bơm tưới có lưu lượng $Q=2100\text{m}^3/\text{h}$; Cải tạo, nạo vét tuyến kênh tiêu chính dài 1440m, tuyến kênh tiêu nhánh dài 560m và các công trình trên kênh;

- Tổng mức đầu tư: 34.390 tỷ đồng;

- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: Trong giai đoạn 2019-2020; Dự án đang xin chủ trương gia hạn;

- Tình trạng của dự án đến 31/12/2024: Đang trong quá trình đầu tư xây dựng.

(viii) Lắp đặt máy vớt rác tự động các trạm bơm Tân Chi, Phần Động, Kim Đôi 2

- Địa điểm: Huyện Tiên Du, huyện Yên Phong và thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh;

- Mục đích: Đảm bảo việc khơi thông dòng chảy vào bể hút trạm bơm Kim Đôi 2, Tân Chi và Phần Động từ đó giảm ảnh hưởng đến quá trình vận hành và năng suất làm việc của máy bơm. Đảm bảo cho các trạm bơm hoạt động an toàn, ổn định, liên tục đáp ứng nhu cầu sản xuất của người dân trong vùng dự án;

- Chủ đầu tư: Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình Thủy lợi Bắc Đuống;

- Nguồn vốn đầu tư: Vốn đầu tư XDCB giai đoạn 2018-2020 và các nguồn vốn hợp pháp khác (nếu có);

- Quy mô dự án: Xây dựng trạm vớt rác tự động; lắp đặt các tổ máy vớt rác tự động có năng suất (12 đến 16) m^3/g , bao gồm các bộ phận như sau: máy vớt rác, lưới chắn rác, băng tải ngang, băng tải xiên, phễu chứa rác, động cơ và hệ thống điện đồng bộ đi kèm;

- Tổng mức đầu tư: 59.994 tỷ đồng;

- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: Năm 2019-2020;

- Tình trạng của dự án đến 31/12/2024: Đã được phê duyệt quyết toán trong năm 2025.

9 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	TSCĐ dùng trong quản lý	TSCĐ hữu hình khác		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	1.127.570.281.012	337.849.540.640	2.388.627.000	1.175.795.147	1.958.315.878	1.470.942.559.677	-
- Phân loại lại	(36.223.816.000)	36.223.816.000	-	-	-	-	-
- Tăng do nhận bàn giao từ Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh	50.894.479.000	28.742.694.000	-	-	-	79.637.173.000	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.640.627.000)	-	-	(1.640.627.000)	-
Số dư cuối năm	1.142.240.944.012	402.816.050.640	748.000.000	1.175.795.147	1.958.315.878	1.548.939.105.677	-
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	58.895.201.028	59.876.794.088	2.380.140.511	995.547.497	1.346.017.828	123.493.700.952	-
- Phân loại lại	6.247.772.959	(5.925.845.749)	(125.084.940)	(196.842.271)	-	-	-
- Khấu hao trong năm	6.796.617.350	7.566.846.936	106.857.143	29.678.571	188.399.400	14.688.399.400	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(1.640.627.000)	-	-	(1.640.627.000)	-
Số dư cuối năm	71.939.591.337	61.517.795.275	721.285.714	828.383.797	1.534.417.228	136.541.473.351	-
Giá trị còn lại							
Tại ngày đầu năm	1.068.675.079.984	277.972.746.552	8.486.489	180.247.650	612.298.050	1.347.448.858.726	-
Tại ngày cuối năm	1.070.301.352.675	341.298.255.365	26.714.286	347.411.350	423.898.650	1.412.397.632.326	-

- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết còn sử dụng: 32.806.332.406 VND.

- Trong năm Công ty thực hiện ghi nhận hao mòn Tài sản cố định tương ứng với chi phí sửa chữa thực hiện từ nguồn khấu hao với số tiền là: 14.500.000.000 VND.

10 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tại thời điểm 31/12/2024, tài sản cố định vô hình của Công ty là sáng kiến hút chân không đã khấu hao hết với nguyên giá 304.466.000 VND.

11 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Công ty TNHH Xây dựng Tiền Cường	3.251.996.640	3.251.996.640	2.902.664.640	2.902.664.640
Công ty TNHH Phong Minh Thịnh	1.964.888.000	1.964.888.000	369.272.000	369.272.000
Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại Dịch vụ Nam Việt	1.937.529.000	1.937.529.000	1.109.165.000	1.109.165.000
Điện lực Bắc Ninh	1.206.311.520	1.206.311.520	798.934.863	798.934.863
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Minh Phát	1.060.622.284	1.060.622.284	1.941.129.084	1.941.129.084
Phải trả các đối tượng khác	5.745.780.214	5.745.780.214	4.990.010.290	4.990.010.290
	15.167.127.658	15.167.127.658	12.111.175.877	12.111.175.877

12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	478.115.907	379.040.362	478.115.907	-	379.040.362
Thuế thu nhập cá nhân	2.650.712	-	111.784.173	135.022.468	25.889.007	-
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	-	-	766.194.752	766.194.752	-	-
Các loại thuế khác	-	-	11.000.000	11.000.000	-	-
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	762.715.973	1.452.428.150	762.715.973	-	1.452.428.150
	<u>2.650.712</u>	<u>1.240.831.880</u>	<u>2.720.447.437</u>	<u>2.153.049.100</u>	<u>25.889.007</u>	<u>1.831.468.512</u>

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	-	44.878.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.230.507.201	5.476.722.456
Đội xây lắp	1.247.256.675	-
Các đơn vị phụ thuộc	631.412.632	489.065.632
Phòng Quản lý nước (Tiền thẩm tra)	214.348.765	197.235.765
Công ty CP Đầu tư XD & TM Phú Điền	200.000.000	200.000.000
Chi phí nguồn Ban QLCT	62.382.074	764.940.503
Chi phí phải trả các Chi nhánh, Xi nghiệp	352.520.753	305.160.911
Trạm bơm mới	22.104.000	22.104.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.500.482.302	3.498.215.645
	5.230.507.201	5.521.600.456

14 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của CSH	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Cộng
	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	1.274.610.040.347	853.329.020.251	2.127.939.060.598
Tăng vốn trong năm trước	83.709.703.000	57.546.493.986	141.256.196.986
Điều chuyển quyết toán hoàn thành	-	(92.478.863.000)	(92.478.863.000)
Số dư cuối năm trước	1.358.319.743.347	818.396.651.237	2.176.716.394.584
Tăng vốn trong năm nay (i)	71.953.764.000	60.840.306.000	132.794.070.000
Điều chuyển quyết toán hoàn thành	-	(39.523.702.000)	(39.523.702.000)
Số dư cuối năm	1.430.273.507.347	839.713.255.237	2.269.986.762.584

(i) Ghi nhận tăng vốn theo các Quyết định bàn giao tài sản từ UBND tỉnh Bắc Ninh và Sở Tài chính tỉnh Bắc Ninh.

15 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	193.751.174.460	148.855.450.716
	193.751.174.460	148.855.450.716

16 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	181.916.648.009	139.049.527.196
	181.916.648.009	139.049.527.196

17 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	71.026.711	122.861.485
	71.026.711	122.861.485

18 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	209.407.000	407.540.500
Chi phí nhân công	10.973.145.868	7.986.523.259
Chi phí khấu hao tài sản cố định	250.463.916	125.231.958
Chi phí dịch vụ mua ngoài	366.954.245	255.624.111
Chi phí khác bằng tiền	899.126.183	1.170.746.785
	12.699.097.212	9.945.666.613

19 . THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, vật tư thu hồi	844.637.350	-
Thu nhập cho thuê mặt bằng	-	31.090.908
Các khoản khác	21.670.700	21.670.700
	866.308.050	52.761.608

20 . CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Chi phí thuê bảo vệ trạm viễn thông	-	14.580.000
Các khoản khác	72.764.000	21.300.000
	72.764.000	35.880.000

21 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

22 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

	<u>Năm 2024</u>	<u>Năm 2023</u>
	VND	VND
- Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt	1.930.313.800	1.888.992.000

23 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán và Định giá ASCO kiểm toán.

Người lập biểu



Ngô Thị Ngọc Yến

Kế toán trưởng



Trần Trọng Thiêm

Bắc Ninh, ngày 04 tháng 02 năm 2025

Chủ tịch



Nguyễn Văn Ty